

Số: 22/2015/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 02 tháng 11 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn
đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ 13 (BẤT THƯỜNG)**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002 và Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13, ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 3014/TTr-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Sau khi nghe Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với:

1. Các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh, huyện và xã.
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước.

CHƯƠNG II NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 3. Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020

Vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn ngân sách Nhà nước được bố trí để chuẩn bị đầu tư và thực hiện các dự án hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng hoàn vốn trực tiếp hoặc không xã hội hóa được thuộc các ngành, lĩnh vực sau:

1. Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: các dự án thủy lợi, hạ tầng phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và phát triển rừng bền vững; phát triển thủy sản; phát triển giống cây trồng, vật nuôi; các dự án phòng, tránh thiên tai, bão lụt, hạn hán, xây dựng nông thôn mới.
2. Công nghiệp: khu kinh tế cửa khẩu và hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp; mạng lưới điện nông thôn, mạng lưới điện phục vụ quốc phòng, an ninh.
3. Thương mại: các dự án chợ dân sinh, chợ đầu mối, kết cấu hạ tầng xuất khẩu, nhập khẩu ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
4. Giao thông: các dự án hạ tầng giao thông đường bộ.
5. Cấp nước, thoát nước và xử lý rác thải, nước thải: Các dự án cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải.
6. Kho tàng: các dự án kho tàng, kho lưu trữ chuyên dụng, kho lưu trữ.
7. Văn hóa: các dự án đầu tư xây dựng, tu bổ, tôn tạo các di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; bảo tồn văn hóa truyền thống, các dự án văn hóa.
8. Thể thao: các dự án thuộc lĩnh vực hạ tầng thể dục, thể thao.

9. Du lịch: các dự án hạ tầng kỹ thuật nhằm phát triển du lịch bền vững tại các khu, điểm, địa bàn du lịch.

10. Khoa học, công nghệ: các dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các tổ chức khoa học và công nghệ; các trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định; các trung tâm ứng dụng và chuyển giao công nghệ, chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng; các trạm, trại thực nghiệm.

11. Thông tin: các dự án phục vụ hoạt động xuất bản, thông tấn, báo chí, phát thanh, truyền hình và thực hiện nhiệm vụ chính trị, xã hội, công ích thiết yếu.

12. Truyền thông: các dự án viễn thông phục vụ mục tiêu quốc phòng, an ninh, đảm bảo an toàn thông tin.

13. Công nghệ thông tin: các dự án đầu tư hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin; bảo mật và an toàn thông tin điện tử trong cơ quan nhà nước; hạ tầng công nghệ thông tin cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp.

14. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp: các dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị các cơ sở giáo dục, đào tạo và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các cấp học từ Mầm non đến Cao đẳng.

15. Y tế, dân số và vệ sinh an toàn thực phẩm: các dự án bệnh viện, các cơ sở y tế, trung tâm kiểm nghiệm, kiểm định, giám định của cơ quan quản lý chuyên ngành.

16. Xã hội: các dự án nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công; hỗ trợ việc làm; chăm sóc, điều dưỡng sức khỏe cán bộ, công nhân viên chức; cai nghiện và các dự án trợ giúp xã hội khác; các dự án cải tạo, nâng cấp các dự án ghi công liệt sỹ.

17. Tài nguyên và môi trường: các dự án trong lĩnh vực đo đạc bản đồ, khí tượng thủy văn, thăm dò địa chất và khoáng sản, nguồn nước; quan trắc cảnh báo môi trường; bảo vệ tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường, tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

18. Quản lý nhà nước: các dự án Trụ sở của các cơ quan Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp và các tổ chức chính trị xã hội được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư; trụ sở các cơ quan tư pháp; dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, nhà ở của các cơ quan đại diện của tỉnh ở nước ngoài và tỉnh khác.

19. Quốc phòng, an ninh: các dự án phục vụ mục tiêu quốc phòng, an ninh, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội, ứng phó với sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

Điều 4. Nguyên tắc chung về phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020

1. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 phải bảo đảm tuân thủ đúng các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền

chủ động cho các cấp chính quyền địa phương.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển tại Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2025, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 của tỉnh, của các ngành, lĩnh vực, địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác, của từng ngành, lĩnh vực và địa phương.

5. Bố trí vốn đầu tư tập trung, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Chỉ bố trí vốn cho các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.

6. Ưu tiên bố trí vốn cho các vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng trên địa bàn tỉnh.

7. Tập trung bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu, dự án có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện và các ngành.

8. Thứ tự ưu tiên bố trí vốn ngân sách Nhà nước trong từng ngành, lĩnh vực, chương trình của tỉnh trong giai đoạn 2016 - 2020 được thực hiện như sau:

a) Ưu tiên bố trí vốn trả nợ, dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch; vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư;

b) Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt;

c) Dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 5 Điều 54 của Luật Đầu tư công.

9. Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 5. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn Chương trình mục tiêu quốc gia và Trái phiếu Chính phủ

1. Đối với các Chương trình mục tiêu quốc gia được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết của Quốc hội về chủ trương đầu tư của từng chương trình và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Trung ương.

2. Đối với vốn Trái phiếu Chính phủ: Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn trái phiếu Chính phủ thực hiện theo quy định trong Nghị quyết của Quốc hội và các văn bản hướng dẫn của Trung ương.

Điều 6. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức vốn các chương trình thuộc Chương trình mục tiêu

Thực hiện theo Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13, ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 7. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn cân đối ngân sách địa phương

1. Nguyên tắc xây dựng các tiêu chí và định mức phân bổ vốn

a) Phải bảo đảm phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước;

b) Các tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn cân đối ngân sách địa phương thực hiện cho giai đoạn 2016 - 2020;

c) Bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc phát triển các huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là cấp huyện); các huyện có số thu lớn, với việc ưu tiên hỗ trợ các vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các vùng khó khăn khác;

d) Sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư của ngân sách nhà nước, tạo điều kiện để thu hút tối đa các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển;

đ) Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn đầu tư phát triển.

2. Tiêu chí phân bổ vốn

Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển trong cân đối (không bao gồm đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất, nguồn thu xổ số kiến thiết) cho các huyện, thành phố gồm 04 nhóm sau:

a) Tiêu chí dân số, gồm: Số dân trung bình và số người dân tộc thiểu số của các huyện, thành phố;

b) Tiêu chí về trình độ phát triển, gồm: tỷ lệ hộ nghèo, số thu nội địa (không bao gồm số thu sử dụng đất);

c) Tiêu chí diện tích: Diện tích đất tự nhiên của các huyện, thành phố;

d) Tiêu chí về đơn vị hành chính cấp xã (bao gồm xã, phường, thị trấn): tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã.

3. Phương pháp tính mức vốn được phân bổ

Số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ được tính theo công thức:

$$Z = K/Y$$

Trong đó: K là tổng mức vốn trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm nguồn đầu tư từ thu chuyển quyền sử dụng đất).

Y là tổng số điểm của 13 huyện, thành phố.

Z là số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ vốn đầu tư.

Phương pháp tính điểm cho cấp huyện theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất và xổ số kiến thiết) như sau:

a) Vốn đầu tư phát triển nguồn cân đối ngân sách cấp huyện: phân bổ 22% (trong tổng số vốn đầu tư được Trung ương giao) cho cấp huyện theo nguyên tắc:

- Phân bổ cho các huyện có các xã ATK để đầu tư theo Đề án với định mức: 1,65 tỷ đồng/01 xã/năm;

- Số còn lại được phân bổ cho cấp huyện được tính theo các tiêu chí nêu ở khoản 2 điều này.

b) Vốn đầu tư phát triển nguồn cân đối ngân sách cấp tỉnh trực tiếp quản lý: Phân bổ 78% (trong tổng số vốn đầu tư được Trung ương giao).

5. Mức vốn dự phòng trong kế hoạch đầu tư trung hạn: căn cứ mức vốn đầu tư phát triển nguồn cân đối ngân sách địa phương, được phân bổ chi tiết 90% tổng mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn theo danh mục và mức vốn cho từng dự án báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt, dành lại dự phòng 10% tổng mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch trung hạn của địa phương.

6. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết cách xác định số điểm của từng tiêu chí, phương pháp tính mức vốn cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất và xổ số kiến thiết) và các mốc thời gian để làm căn cứ xác định số điểm của từng tiêu chí cụ thể.

Điều 8. Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020

1. Vốn đầu tư phát triển do tỉnh trực tiếp quản lý.

Căn cứ mức vốn đầu tư phát triển được phân bổ, nguồn thu từ cấp quyền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tăng thu ngân sách, các nguồn hợp pháp khác để đầu tư cho các dự án của do tỉnh bố trí vốn theo các mục tiêu sau:

- Trả nợ vốn vay ngân hàng phát triển, vốn ứng trước từ ngân sách;
- Hỗ trợ cho các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP);
- Hỗ trợ đối ứng các dự án ODA thuộc trách nhiệm của địa phương;

- Hỗ trợ doanh nghiệp;

- Thực hiện các Chương trình mục tiêu do chuyển nhiệm vụ chi từ ngân sách Trung ương về ngân sách tỉnh thực hiện bao gồm: Quyết định 120/2003/QĐ-TTg ngày 11/6/2003 của Thủ tướng Chính phủ về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tuyến biên giới Việt Nam - Trung Quốc (Quyết định 120); Quyết định 33/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số (Quyết định 33); Quyết định 1592/QĐ-TTg ngày 12/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn (Quyết định 1592); Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở (Quyết định 167).

- Trả nợ đọng xây dựng cơ bản;

- Hỗ trợ đầu tư theo chính sách của tỉnh do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành;

- Thanh toán cho các công trình chuyển tiếp từ các năm trước sang giai đoạn 2016 - 2020;

- Hỗ trợ thanh toán nợ xây dựng cơ bản (các dự án do huyện làm chủ đầu tư sử dụng vốn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh), đầu tư cho các dự án cấp bách, cần thiết của huyện, thành phố (do ngân sách cấp huyện không đủ bố trí);

- Vốn bố trí cho các công trình khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020, bao gồm các chương trình, lĩnh vực:

+ Quyết định 1592/QĐ-TTg, bố trí cho các dự án nước sinh hoạt ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn;

+ Chương trình di dân định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định 33, bố trí thực hiện các hạng mục còn thiếu của các dự án đã thực hiện hết nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ nhưng chưa hoàn thành; các dự án di dời dân cư tại các địa điểm xảy ra sạt lở và có nguy cơ sạt lở cao tại các địa phương;

+ Chương trình đầu tư các xã biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc theo Quyết định 120/QĐ-TTg, bố trí cho các dự án hạ tầng các xã biên giới (xây dựng trụ sở xã, trạm y tế xã, trường học, đường giao thông, ...);

+ Chương trình hỗ trợ nhà ở cho các hộ nghèo theo Quyết định 167/QĐ-TTg;

+ Lĩnh vực Giáo dục đào tạo và dạy nghề: bố trí thực hiện các dự án thuộc Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, các phòng học mầm non còn thiếu; các trường học để đạt chuẩn quốc gia theo các cấp học; cơ sở đào tạo nghề và các trường khác thuộc lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo;

+ Lĩnh vực Khoa học và công nghệ: bố trí các dự án nghiên cứu và ứng dụng khoa học trên địa bàn tỉnh;

+ Lĩnh vực Công nghệ thông tin, truyền thông: bố trí các dự án phát triển ứng dụng công nghệ thông tin truyền thông tại các cơ quan Đảng và Nhà nước;

+ Lĩnh vực An ninh - quốc phòng: bố trí các dự án doanh trại tiêu đội dân quan thường trực tại các xã biên giới (theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh); các dự án phục vụ cho diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh; dự án về tăng cường cơ sở vật chất cho lực lượng vũ trang;

+ Các lĩnh vực khác: tập trung bố trí ưu tiên vốn các chương trình trọng tâm, dự án trọng điểm của tỉnh; hỗ trợ đầu tư các trụ sở xã, y tế xã và các dự án phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Sử dụng vốn đầu tư phát triển do huyện trực tiếp quản lý.

Căn cứ mức vốn đầu tư được phân bổ và các nguồn hợp pháp khác bố trí vốn để đầu tư cho các dự án theo các mục tiêu sau:

- Bố trí cho các dự án thuộc Đề án các xã vùng căn cứ cách mạng ATK kháng chiến;

- Trả nợ đọng xây dựng cơ bản;

- Thanh toán cho các công trình chuyển tiếp từ các năm trước sang giai đoạn 2016 - 2020;

- Vốn bố trí cho các công trình khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020, để thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của cấp huyện, cấp xã.

CHƯƠNG III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quy định chi tiết thực hiện Nghị quyết này.

2. Tổ chức và chỉ đạo các Sở, Ban, ngành, cấp huyện triển khai thực hiện Nghị quyết này.

3. Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết này theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân tỉnh và Bộ, ngành Trung ương.

4. Trong trường hợp bổ sung hoặc sửa đổi các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 ngoài các quy định tại Nghị quyết này thì Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 10. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

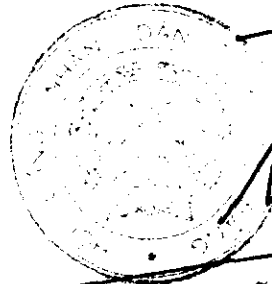
Nghị quyết này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua và áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2016 - 2020.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XV, kỳ họp thứ 13 (bất thường) thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Cao Bằng;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, Thành phố;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hoàng Anh